

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
đối với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Nha khoa
Tâm Đức 2 trực thuộc Công ty cổ phần quốc tế American group**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BYT hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 32/2023/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư số 23/2024/TT-BYT ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 42/2025/TT-BYT quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định 2066/QĐ-SYT ngày 21/4/2026 của Giám đốc Sở Y tế Ninh Bình về việc kiện toàn Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản thẩm định điều chỉnh Giấy phép hoạt động ngày 20/8/2026 đối với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Nha khoa Tâm Đức 2 trực thuộc Công ty cổ phần quốc tế American group và báo cáo khắc phục ngày 25/8/2026 của cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung 48 danh mục kỹ thuật thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Nha khoa Tâm Đức 2 trực thuộc Công ty cổ phần quốc tế American group, địa chỉ: tổ dân phố Hữu Tiến, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình, số Giấy phép hoạt động: 1016/NB-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cấp ngày 09/9/2026;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành. Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Nha khoa Tâm Đức 2 trực thuộc Công ty cổ phần quốc tế American group phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn,

danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Ninh Bình phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Nha khoa Tâm Đức 2 trực thuộc Công ty cổ phần quốc tế American group và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Giám đốc Sở Y tế (báo cáo);
 - UBND phường Đồng Văn;
 - PKCK RHM - Nha khoa Tâm Đức 2;
 - Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
 - Lưu: VT, QLKCB.
- (Th).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Anh Phong

PHỤ LỤC. DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN
TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT - NHA KHOA
TÂM ĐỨC 2 TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ AMERICAN GROUP
(Đính kèm Quyết định số 3802/QĐ-SYT ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hở mặt nhai
2	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
3	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
4	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
5	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
6	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
7	16.148	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad- Helix
8	16.149	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
9	16.151	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng /hàm dung lực ngoài miệng sử dụng Headgear
10	16.152	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ Facemask và ốc nong nhanh
11	16.153	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng/hàm dung lực ngoài miệng sử dụng Chincup
12	16.154	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
13	16.155	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
14	16.156	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng cung ngang khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
15	16.157	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
16	16.158	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng MicroImplant
17	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
18	16.160	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng ngầm
19	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
20	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
21	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
22	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi(LA)
23	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
24	16.169	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
25	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
26	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
27	16.174	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc aay cung đảo ngược
28	16.175	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích Utilily archwire (và cung phụ làm lún răng cửa)
29	16.176	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
30	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
31	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
32	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
33	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
34	16.182	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp
35	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
36	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
37	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
38	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
39	16.187	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Biteplate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior Plane)
40	16.188	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
41	16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xâu mút môi
42	16.190	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xâu đẩy lưỡi
43	16.191	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
			quen xấu mút ngón tay
44	16.192	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
45	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
46	16.194	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
47	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn
48	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn

Tổng số: 48 kỹ thuật